

Số: 502/BC-UBND

Minh Long, ngày 18 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Về việc thực hiện kinh phí BHYT năm 2018 cho các đối tượng Người thuộc hộ gia đình nghèo, Người Dân tộc sống tại vùng KT-XH khó khăn, Trẻ em dưới 6 tuổi, Người Cận nghèo (thoát nghèo trong vòng 5 năm và cận nghèo đang sống tại các huyện theo NQ 30a), Người dân sống vùng KT-XH đặc biệt khó khăn, Cựu chiến binh, Bảo trợ xã hội của huyện Minh Long

Thực hiện Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đối tượng, mức hỗ trợ, kinh phí và tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế năm 2018 cho các đối tượng Người thuộc hộ gia đình nghèo, Người Dân tộc sống tại vùng KT-XH khó khăn, Trẻ em dưới 6 tuổi, Người Cận nghèo (thoát nghèo trong vòng 5 năm và cận nghèo đang sống tại các huyện theo NQ 30a), Người dân sống vùng KT-XH đặc biệt khó khăn, Cựu chiến binh, Bảo trợ xã hội của huyện Minh Long.

Trên cơ sở đó Bảo hiểm xã hội huyện đã phối hợp với phòng Lao động - Thương binh & Xã hội huyện để tiến hành in, cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT trên địa bàn huyện tính đến cuối năm 2018 là 16.279 người với tổng số tiền là 11.863.372.500 đồng. Tuy nhiên tại Công văn số 454/STC-NS ngày 06/3/2018 của Sở Tài chính thông báo phân bổ kinh phí thực hiện chế độ chính sách bảo hiểm y tế năm 2018 đợt I cho huyện Minh Long là 9.556.550.000 đồng. Như vậy kinh phí còn phải thanh toán trong quý IV năm 2018 là 2.306.822.500 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Để đảm bảo kinh phí khám chữa bệnh BHYT cho các đối tượng theo quy định. Ủy ban nhân dân huyện Minh Long kính đề nghị Sở Tài chính quan tâm bổ sung kinh phí còn thiếu để thực hiện chế độ bảo hiểm y tế năm 2018 ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- CT; PCT;
- BHXH tỉnh (Báo cáo);
- VP: C, PVP;
- Phòng LĐTB&XH;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Đình Tiên

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐÓNG, HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Minh Long)

Đơn vị tính: Thẻ; Đồng

Số TT	Đối tượng	Số thẻ BHYT đã phát hành	Số tiền đóng BHYT tính theo người định	Số tiền do người tham gia BHYT đóng	Số tiền ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ	Số tiền Sở Tài chính đã cấp	Số tiền cơ quan Tài chính còn phải chuyển
A	B	1	2	3	4=2-3	5	6=4-5
	Tổng số	16.279	11.863.372.500	-	11.863.372.500	9.556.550.000	2.306.822.500
1	Trẻ em dưới 6 tuổi	2.245	1.770.188.400	-	1.770.188.400		
2	Người thuộc hộ gia đình nghèo	5.045	3.607.944.300	-	3.607.944.300		
3	Người thuộc hộ cận nghèo						
	- Đối tượng được NSNN hỗ trợ 100% mức đóng	150	111.150.000	-	111.150.000		
	- Đối tượng được NSNN hỗ trợ ...% mức đóng						
4	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	6.661	4.781.295.000	-	4.781.295.000		
5	Người sinh sống vùng KTKK, đặc biệt khó khăn	1.749	1.274.590.800	-	1.274.590.800		
6	Đối tượng Cựu chiến binh + TNXP						
7	Đối tượng tham gia KC chống Mỹ (QĐ 290), chiến trường Lào, CampuChia (QĐ 62), Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ (QĐ 142)	48	36.853.650	-	36.853.650		
8	Đối tượng Bảo trợ xã hội	381	281.350.350	-	281.350.350		